

Bản án số: 93/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 06 - 5 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Phong và bà Nguyễn Kim Oanh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXX - ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐ-TA ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1986.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, sinh năm 1982.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn M, xã M, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

Chị T có mặt; anh N đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị với anh Phạm Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã M, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới cả hai về chung sống tại thôn M, xã M. Vợ chồng chung sống hoà thuận được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, bản thân anh N chơi bời, không chăm lo được cho gia đình, rất nhiều lần chị còn phải đi trả nợ đây cho anh N. Kể từ khi lấy chồng đến nay, một mình chị phải bươn chải vừa nuôi con vừa chăm lo cho cuộc sống gia đình... nên vợ chồng thường xuyên xô sát, to

tiếng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã tự ly thân nhau từ giữa năm 2022 đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị tha thiết đề nghị Toà án cho được ly hôn với anh Phạm Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Phạm Tuấn T sinh ngày 02/10/2007, Phạm Bá L sinh ngày 19/10/2011, Phạm Thiên P sinh ngày 05/11/2018. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và không đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn Phạm Văn N: Mặc dù Toà án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh N theo quy định của pháp luật nhưng anh N vẫn cố tình không đến Toà án làm việc nên không rõ quan điểm.

Theo ông Phạm Ngọc T là bố đẻ anh N cung cấp:

Sau khi cưới, vợ chồng anh N chị T chung sống cùng với vợ chồng ông tại thôn M, xã M, huyện Phú Xuyên. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xô sát, to tiếng...nguyên nhân do anh N ham chơi, không chăm sóc gia đình con cái. Mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng đã tự ly thân nhau từ giữa năm 2022 đến nay.

Hiện nay anh N vẫn đang ở cùng vợ chồng ông bà, và đi làm ăn xa, thỉnh thoảng vẫn về thăm nom gia đình. Vì nhiều lý do tế nhị nên ông không cung cấp cho Toà án địa chỉ nơi anh N đang làm ăn. Các văn bản tố tụng của Toà án đều đã được ông giao tận tay hoặc thông tin chi tiết cho anh N còn việc anh N không chịu đến Toà làm việc là quyền của anh N. Ông cũng xác nhận vợ chồng chị T anh N không có tài sản, công nợ chung nhưng có ba con chung như chị T trình bày...Trường hợp chị T kiên quyết xin ly hôn thì ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại UBND xã M nơi các đương sự sinh sống, xác định:

Chị T, anh N kết hôn với nhau từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã tự ly thân nhau từ giữa năm 2022 đến nay. Tại Thời điểm giải quyết vụ án, anh N vẫn thường trú và sinh sống bình thường tại địa phương.

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, ly thân đã lâu, quan điểm của UBND xã là đề nghị Toà án cho chị T được ly hôn anh N để giải phóng cho cả hai bên; Đề nghị giao cả ba con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh N cho đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; Tài sản chung cộng nợ chung của vợ chồng UBND xã không nắm rõ, trường hợp các bên không yêu cầu toà xét thì đề nghị không xét.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của chị Phạm Thị T và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

xử: Cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Văn N; giao cả ba con chung là Phạm Tuấn T, Phạm Bá L và Phạm Thiên P cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phạm Văn N; tài sản chung, công nợ chung các bên đều không đề nghị xét nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn M, xã M, huyện Phú Xuyên nên TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn N là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M (Đăng ký kết hôn số 38 quyền số 01). Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, do bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh Nhất chơi bời không chăm sóc gia đình vợ con, một mình chị T tự bươn chải chăm lo gia đình... khiến vợ chồng thường xuyên to tiếng, xô sát. Mâu thuẫn trầm trọng, cả hai đã tự ly thân nhau từ giữa năm 2022 đến nay, chấm dứt cuộc sống vợ chồng.

Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng do tình cảm không còn, ly thân đã lâu, bản thân anh N không chịu đến Tòa án làm việc, có thái độ bỏ mặc, không mong muốn đoàn tụ... nên mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức. Vì vậy, yêu cầu của chị T xin ly hôn anh N là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung:

Chị T và anh N có ba con chung Phạm Tuấn T sinh ngày 02/10/2007, Phạm Bá L sinh ngày 19/10/2011, Phạm Thiên P sinh ngày 05/11/2018.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cả ba con chung hiện đang ở cùng chị T và cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng chị T; bản thân anh N và gia đình không có quan điểm rõ ràng về vấn đề nuôi con chung... Nên để ổn định sự phát triển của con chung cũng như phù hợp với nguyện vọng của chị T, cần giao cả ba con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc giáo dục là hợp lý; Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa không xét.

[3] *Về án phí:* Chị Phạm Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Chị T và anh N có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

1. Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Phạm Văn N.
2. Về con chung: Giao cả ba con chung là Phạm Tuấn T sinh ngày 02/10/2007, Phạm Bá L sinh ngày 19/10/2011, Phạm Thiên P sinh ngày 05/11/2018 cho chị Phạm Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phạm Văn N cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo qui định của pháp luật.
3. Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.
4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0015382 ngày 19/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phùng Văn Phong

